

TRƯỜNG THI HƯƠNG CUỐI CÙNG Ở BẮC KỲ TRƯỜNG THI HƯƠNG NAM ĐỊNH

ĐỖ HƯƠNG THẢO*
VŨ THỊ MINH THẮNG**

Giáo dục và đào tạo Nho học trong xã hội Việt Nam thời phong kiến gắn liền với hai loại trường: *trường mang chức năng đào tạo, giáo dục* hay còn gọi là trường học (như Quốc Tử Giám ở cấp trung ương, các trường học ở các địa phương, trường dạy tư của các vị đồ Nho) và *trường có chức năng tổ chức các kỳ thi* hay còn gọi là trường thi (trường thi Hương, thi Hội).

Thời Nguyễn, ở Bắc Kỳ chỉ có 2 trường thi Hương là trường thi Hà Nội và Nam Định. Thời Pháp thuộc, sau khi trường thi Hương Hà Nội bị bãi bỏ, trường thi Hương Nam Định trở thành trường thi cuối cùng ở Bắc Kỳ và tồn tại đến năm 1915.

Bài viết này giới thiệu lịch sử hình thành, phát triển của trường thi Hương Nam Định; các quy định liên quan đến việc xây dựng, tổ chức trường thi, đến quan trường, sĩ tử. Từ đó, các tác giả mong muốn góp phần phản ánh thực trạng của giáo dục Nho học nói riêng và những chuyển biến văn hóa - xã hội nói chung tại Việt Nam thời phong kiến giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

1. Lịch sử hình thành, tên gọi

Tên gọi trường thi Hương Nam Định bắt đầu xuất hiện từ thế kỷ XIX, sau đổi thành trường thi Hà Nam. Nhưng trên thực tế, trường thi Hương Nam Định là sự nối tiếp của trường thi dành cho trấn Sơn Nam Hạ có từ thời Lê. Trong bài viết này, chúng tôi thống nhất lấy tên gọi chung là trường thi Nam Định.

Việc định lệ cách thức thi Hương ở nước ta bắt đầu từ đời Trần (1394) (1) nhưng đến thời Lê các quy định cụ thể và rõ ràng hơn.

Thời Lê, cả nước có 9 trường thi Hương: Hải Dương, Sơn Nam, Tam Giang, Kinh Bắc, An Bang, Tuyên Quang, Thanh Hóa, Nghệ An, Thuận Hóa (2).

Thời Nguyễn, hệ thống các trường này rút xuống còn các trường như sau: Nghệ An, Thanh Hóa (gồm Ninh Bình, Kinh Bắc), Thái Nguyên (gồm Cao Bằng, Lạng Sơn), Hải Dương (gồm cả Quảng Yên), Sơn Tây (gồm Hưng Hóa, Hoài Đức) và Sơn Nam (3). Từ năm 1813, trường Sơn Nam thi chung cho cả Hải Dương và Quảng Yên.

* Th.S. Khoa Lịch sử - Trường ĐHKHXH&NV - ĐHQG HN

** Th.S. Bộ môn Khoa học Chính trị - Trường ĐHKHXH&NV - ĐHQG HN

Trường thi Sơn Nam trước đặt ở làng Hiến Nam, xã Hoa Dương, huyện Kim Động, cạnh Phố Hiến nên còn có tên là trường Hiến Nam. Năm 1819 (Gia Long thứ 18), trường Sơn Nam dời về làng Vị Hoàng, sau lại chuyển về làng Năng Tĩnh, huyện Mỹ Lộc, Nam Định. Năm 1822, trấn Sơn Nam Hạ được đổi thành trấn Nam Định. Năm 1824, theo quyết định của vua Minh Mệnh, trường trấn Sơn Nam Hạ đổi thành trường Nam Định: “*từ thi Hương năm sau, trường trực lệ đổi là trường Thừa Thiên, trường trấn Sơn Nam Hạ đổi làm trường Nam Định*” (4). Như vậy tên gọi trường *Nam Định* bắt đầu xuất hiện từ năm 1825.

Năm 1831, triều Nguyễn chia khu vực từ Quảng Trị trở về phía Bắc thành 18 tỉnh (5). Bốn phủ Thiên Trường, Kiến Xương, Nghĩa Hưng, Thái Bình cùng với huyện Thanh Quan (thuộc phủ Tiên Hưng) lập thành tỉnh Nam Định. Vua Minh Mệnh cũng cho định lại hai trường ở phía Bắc: trường thi Hà Nội dành cho các thí sinh ở Hà Nội, Sơn Tây, Bắc Ninh, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Ninh Bình và Thanh Hóa; trường thi Nam Định dành cho các thí sinh ở Nam Định, Hưng Yên, Hải Dương, Thái Bình và Quảng Yên.

Theo thống kê do chúng tôi thực hiện từ nguồn tư liệu trong cuốn *Quốc triều Hương khoa lục* của Cao Xuân Dục, trong tổng số 47 kỳ thi Hương dưới triều Nguyễn, có 7 khoa thi được tổ chức dưới tên gọi trường thi *Sơn Nam* (6) và 22 khoa thi tổ chức dưới tên gọi trường thi *Nam Định* (7). Ba khoa thi năm 1884, 1888 và 1891, trường Hà Nội và trường Nam Định thi chung. Riêng năm 1882, do Hà Nội và Nam Định có biển nên hoãn thi. Từ năm 1894 đến năm 1915, do chính quyền Pháp bãi bỏ trường thi Hương ở Hà Nội nên trường thi Hà Nội và Nam

Định ghép thi chung gọi là trường *Hà Nam* và tổ chức ở Nam Định (gồm 8 khoa thi).

Trong khoảng thời gian hai năm 1896 và 1897, chính quyền Pháp từng có ý định dời trường thi Hương từ Nam Định lên Hà Nội, nhưng do không tìm được địa điểm thích hợp và do không đủ kinh phí cho việc xây dựng nên dự định trên đã không được thực hiện và các khoa thi vẫn tiếp tục tổ chức ở Nam Định (8).

Từ sau năm 1915, theo thỏa hiệp giữa Pháp và triều đình Huế chấm dứt các khoa thi Hương truyền thống ở Bắc Kỳ, trường thi Hương Nam Định không còn tồn tại. Từ sau năm 1919, các khoa thi Hương ở Trung Kỳ cũng bị bãi bỏ theo.

Thời gian tổ chức kỳ thi

Ban đầu triều Nguyễn quy định các kỳ thi Hương cứ 6 năm tổ chức một lần (năm Mão, năm Dậu) sau đổi thành 3 năm một lần (các năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu). Nhưng trên thực tế, có những khoa thi chỉ tổ chức cách nhau một năm hoặc có những khoa tổ chức liên tục liền năm nếu triều đình mở Ân khoa. Chính vì vậy, thời gian tổ chức các kỳ thi của trường Hương Nam Định không ổn định.

Từ năm 1825, trường Nam Định được quy định thi vào tháng 9: “*ngày mồng 1 vào trường nhất, ngày 12 vào trường thứ 2, ngày 20 vào trường thứ 3, ngày 25 vào trường thứ 4, ngày 29 xướng danh, phúc hạch và treo bảng*” (9). Việc tổ chức thi vào tháng 9 hàng năm được duy trì cho đến năm 1837 thì chuyển sang tháng 10 vì triều đình muốn tránh mùa mưa gây nhiều khó khăn cho việc đi lại của sĩ tử.

Một số năm, kỳ thi Hương ở Nam Định không được tổ chức theo đúng thời gian quy định. Năm 1864 (Tự Đức thứ 17), các sĩ tử

Bảng 1: Ngày tổ chức các kỳ thi Hương Nam Định (10)

Năm	Ngày vào trường thứ 1	Ngày vào trường thứ 2	Ngày vào trường thứ 3	Ngày vào trường thứ 4	Ngày xướng danh, phúc hạch, treo bảng
1825	mồng 1 tháng 9	ngày 12 tháng 9	ngày 20 tháng 9	ngày 25 tháng 9	ngày 29 tháng 9
1828	mồng 1 tháng 9	ngày 6 tháng 9	ngày 11 tháng 9	ngày 16 tháng 9	ngày 29 tháng 9
1834	mồng 1 tháng 9	ngày 6 tháng 9	ngày 12 tháng 9		ngày 23 tháng 9
1840					ngày 22 tháng 7
1843	mồng 1 tháng 10	ngày 9 tháng 10	ngày 18 tháng 10		ngày 1 tháng 11

thi Hương ở hai trường Hà Nội và Nam Định công khai phản đối mạnh mẽ việc triều đình ký hoà ước với Pháp, đã làm huyên náo cả trường thi, không chịu vào trường, nên phải lùi kỳ thi vào hôm sau. Một số người khởi xướng phong trào này của trường Hà Nội, Nam Định và Thừa Thiên đã bị triều đình bắt và trị tội, trong đó có Đỗ Văn Định và Nguyễn Huy Đạt - sĩ tử của trường thi Hương Nam Định (11). Khoa thi năm 1882, Tự Đức năm thứ 35, hai trường Hà Nội và Nam Định vì tỉnh thành có biến loạn nên bị đình hoãn. Năm 1884, Kiến Phúc thứ nhất, do giảng hòa ở Bắc Kỳ, trường thi chưa kịp tu bổ nên hai trường Hà Nội và Nam Định thi chung ở trường Thanh Hóa. Khoa thi năm 1886, Đồng Khánh thứ nhất, trường Nam Định thi chung với trường Ninh Bình.

Từ năm 1888 đến 1891, trường Hà Nội và trường Nam Định thi chung. Năm 1897, do Công sứ và Tổng đốc Nam Định lo sợ đảng của Kỳ Đồng Nguyễn Văn Cẩm lợi dụng dịp thi Hương ở Nam Định tuyên truyền sĩ tử nhằm đánh phá thành Nam Định nên đình hoãn kỳ thi, nhưng Toàn quyền Paul Doumer vẫn kiên quyết cho tổ chức kỳ thi như thường lệ.

2. Diên cách, quy thức xây dựng trường thi

Thông thường, các trường thi Hương trước kia không được xây dựng cố định mà được tổ chức trên một bãi đất trống hay trên một cánh đồng đã thu hoạch. Chỉ gần đến ngày thi, quan sở tại mới cho dựng tạm nhà lá và rào kín xung quanh bằng những vật liệu không bền vững, sau khi thi xong thì phá bỏ.

Trước tình hình đó, năm 1825, Bộ Công tâu với vua Minh Mệnh rằng:

“Trước đây những tài liệu về trường thi Hương các địa phương mỗi khi việc trường đã xong được tùy tiện lấy dùng, rất là hư phí. Xin từ nay về sau sở tại hoặc có dùng vào việc công thì phải trình xin trước để tuân làm, nếu không dùng vào việc công mà còn thừa thì đều theo nguyên giá chia là 10 thành giảm đi 4 thành đem bán nộp vào kho” (12)”.

Đề xuất này được nhà vua chấp nhận và cho áp dụng tại các các địa phương, trừ trường thi Hương Thừa Thiên được giữ lại để dùng vào việc thi Hội, không bán.

Từ năm 1843, vua Thiệu Trị định lệ xây dựng trường thi Hương Thừa Thiên làm mẫu chuẩn cho các địa phương. Quy thức cụ thể như sau:

“Nhà các quan Chánh Phó Chủ khảo, Chánh Phó Đề điệu, Phân khảo và Thập

đạo gồm 7 căn 1 gian 2 chái. Nhà cho các quan Giám khảo, Sơ khảo, Thể sát, Mật sát, Lại phòng ngoại trường gồm 9 căn 3 gian 2 chái. Nhà Thí viện, công sảnh của quan Đề điệu, Lại phòng nội trường gồm 3 căn 5 gian 2 chái. Nhà cho các quan Sơ khảo gồm 3 căn 6 gian 2 chái. Vách sau và hai bên tả hữu hai chái mỗi căn tính toán mở một cửa vòm cong hình bán nguyệt, sau cửa nối ra thêm một chỗ nhỏ làm nhà bếp. ở mỗi cổng ra tới nhà quan Thập đạo giáp bốn vi Tả Hữu Giáp Ất và nhà quan Giám khảo giáp nhà các quan Sơ khảo, Phúc khảo đều xây tường gạch ngăn ra. Nơi bốn vi lại dựng 7 dãy mái che dãi, mỗi dãy 17 gian. Phàm thi Hương thì cho 4 người vào 1 gian, thi Hội thì cách 2 hoặc 3 gian cho 1 người ngồi, đều lợp bằng ngói” (13).

Trên cơ sở đó, triều Nguyễn chuẩn cho các tỉnh Gia Định, Hà Nội, Nghệ An và Nam Định căn cứ vào quy thức trên mà dựng trường thi, khác ở chỗ 4 vi Tả, Hữu, Giáp, Ất để trống chứ không dựng mái che.

Từ năm 1844 trở đi, trường thi được xây dựng bên trong là nhà ngói, bên ngoài bao tường gạch.

Trường thi Hương Nam Định bắt đầu được xây dựng năm Thiệu Trị thứ 5 (1845) ở làng Năng Tĩnh, tổng Mỹ Trọng, huyện Mỹ Lộc, gần Thành phố Nam Định. Trường có chu vi 214 trượng (353m), tường cao 5 thước (2m), cả trong và ngoài có 21 tòa nhà lợp ngói. Trường chia làm 3 ngăn: ngăn trong là *nội trường*, giữa là *ngoại trường*, bên ngoài là *nơi học trò làm bài thi*.

- *Nội trường*

Nội trường là phần trong cùng của trường thi. Chính giữa nội trường có Giám viện, là nơi hội họp của các quan Sơ khảo và Phúc khảo. Bên trái, bên phải của nhà Giám viện đều dựng các dãy nhà của quan

Phúc khảo (1 nhà), Sơ khảo (2 nhà). Đằng sau phía bên trái của dãy nhà dành cho quan Sơ khảo còn có nhà dành cho Giám sát để coi các quan nội trường. Trong khu vực nội trường có 1 hồ nước nằm đằng sau nhà Giám viện. Nội trường được thông với ngoại trường bằng một lối đi nhỏ.

- *Ngoại trường*

Ngoại trường là nơi làm việc của các quan Chánh Chủ khảo, Phó Chủ khảo, Chánh phân khảo, Phó phân khảo. Ở giữa ngoại trường có Thí viện là nơi các quan hội họp, chấm bài. Bên trái của Thí viện là nhà quan Chánh chủ khảo và Chánh phân khảo, bên phải là nhà quan Phó chủ khảo và Phó phân khảo. Phía sau của dãy nhà dành cho Chánh chủ khảo và Chánh phân khảo có nhà Giám sát và Lại phòng; phía sau của dãy nhà dành cho Phó phân khảo và Phó chủ khảo chỉ có nhà của Lại phòng (không có nhà dành cho Giám sát) là chỗ của các viên Lại điển giúp việc cho Chánh, Phó Chủ khảo.

Trong ngăn ngoại trường, nơi giáp với nội trường có một khu xây kín, chỉ có cổng ra vào thông ra phía nhà Thí viện. Đây là nơi làm việc của các quan Chánh, Phó Đề tuyển (Chánh, Phó Đề điệu). Tại đây có nhà Đề tuyển là nơi giữ quyển thi của thí sinh và là nơi làm việc của các quan Đề điệu. Phía bên trái của nhà Đề tuyển có nhà quan Chánh Đề điệu, bên phải là nhà quan Phó Đề tuyển. Phía sau nhà Đề tuyển là nơi ở của Lại phòng giúp việc.

- *Khu vực thí sinh làm bài thi*

Ngăn ngoài cùng là khu vực thí sinh làm bài thi. Con đường chữ thập (Thập đạo) chia khu vực này thành 4 vi (14) (4 phần) biệt lập gồm vi Giáp, vi Ất, vi Tả và vi Hữu, mỗi vi đều có rào bao quanh và cửa thông ra đường thập đạo.

Vi Giáp nằm ở bên trái, phía ngoài cùng, đằng sau là vi Tả. Vi Ất nằm ở bên phải, phía ngoài cùng, đằng sau là vi Hữu. Bên ngoài mỗi vi đều mở cổng để học trò vào trường thi. Các cổng này được đánh theo thứ tự: Giáp nhất, Giáp nhị, Tả nhất, Tả nhị, Ất nhất, Ất nhị, Hữu nhất, Hữu nhị. Tại tám cửa này, mỗi cửa treo bảng ghi danh sách để thí sinh trước hôm thi có thể đến xem và biết mình thi ở vi nào.

Khi vào thi, thí sinh mang theo lều, chõng, chiếu, tráp đựng nghiên, giấy, bút mực... cùng thức ăn cho một ngày. Khi vào cổng, đội Thể sát khám xét thí sinh kỹ càng để tránh việc mang tài liệu vào trường thi. Khám xét xong, thí sinh tìm chỗ cắm lều. Thời Tự Đức, định lệ căng dây treo tên thí sinh ở vi để thí sinh cắm lều tại nơi quy định, tránh chạy đi chạy lại. Sau khi căng lều, thí sinh ngồi chờ trống ra đề. Trong lúc thi, cửa tại các vi này sẽ được đóng kín.

Nơi giao nhau của đường thập đạo có nhà Thập đạo, là nơi học trò nộp quyển thi và nơi hội đồng giám khảo ngồi trong lúc sĩ tử làm bài thi. Phía trước của nhà Thập đạo có cửa Tiên để các thí sinh sau khi thi xong nộp bài đi ra.

Toàn bộ khu vực trường thi có 7 chòi canh nằm ở các góc của nội trường, ngoại trường và trên con đường Thập đạo. Ở sát cạnh nhà Thập đạo có một chòi canh để coi học trò làm bài thi, 2 chòi canh khác nằm ở bên phải và bên trái của nhà Thập đạo để giám sát các quan trường và thí sinh. Việc canh phòng trường thi do đội Thể sát đảm nhiệm dưới quyền quản lý của Ngự sử để tránh sự thông đồng giữa các thí sinh và các quan trường với nhau cũng như để xử lý mọi rắc rối có thể xảy ra.

Dưới con mắt của một người nước ngoài, trường thi Hương Nam Định năm 1897 được mô tả như sau:

“Không có gì đáng ngạc nhiên hơn sự tập hợp của những cái “hang chuột trũi con con”, cách mặt đất 1m, bao quanh bốn phía của trường thi rộng lớn. Bốn phía này được chia cắt bởi 4 con đường vuông góc với nhau và được rào chặt bởi những tấm phên. Ở cuối mỗi con đường là nhà của các quan giám khảo. Mỗi khu lều qui tụ một nhóm thí sinh cùng tỉnh. Dưới cái vể ngoài lộn xộn ấy lại là một trật tự chặt chẽ” (15).

Những “cái hang chuột trũi con con” được tác giả bài báo tiếng Pháp đề cập trên đây chính là lều chõng do các sĩ tử tự mang vào trường thi. Cũng theo tác giả này, số lượng thí sinh tham gia kỳ thi Hương năm 1897 rất lớn, “nghe nói có tới 12.000 lều thi” (16).

Cung ứng của triều đình cho trường thi

Để tổ chức một kỳ thi Hương, triều đình phải cung ứng rất nhiều thứ cho các trường thi. Cũng như những trường thi khác, trường thi Hương Nam Định được triều đình cung cấp nhiều vật dụng phục vụ trường thi như:

- Mõ gỗ dùng cho điểm canh cửa trường, phòng thi, phòng tòa viện.
- Ghế chéo bằng gỗ sơn đen (cao 5 thước)
- Hòm đựng quyển (dài 2 thước 5 tấc, ngang 2 thước)
- Khóa và chìa khóa cho các phòng thi, phòng ở
- Thùng to đựng nước (4 thùng)
- Phên ngồi bằng tre (6 cái)
- Chiếu (10 đôi)
- Cây đèn đĩa, đèn dầu và bấc
- Kỷ viết (20 cái)
- Bút quản
- Mực thoi
- Sơn đá

- Nghiên mực, nghiên son bằng sành
 - Giấy rộng, giấy vừa
 - Sách như *Tứ thư, Ngũ kinh, Tiên hậu sử*...
 - Bảng gỗ
- và một số vật dụng khác.

Theo quy định của triều Nguyễn trong *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, năm 1828, trường Nam Định được cấp: “8 cái ghế chéo, 600 quân bút, 300 thoi mực, 5 giành son đá, 200 cái nghiên son nghiên mực bằng sành, 15.000 tờ giấy rộng, 12.000 tờ giấy vừa và 40 cái bảng vuông to” (17). Nếu so sánh với số lượng cung ứng của triều Nguyễn dành cho trường thi Hương Thừa Thiên và Bắc Thành cũng được quy định trong sách này, thì trường Nam Định cũng được đầu tư tương đương với 2 trường trên. Có thể nói, Nam Định cùng với Thừa Thiên và Bắc Thành là 3 trường thi lớn nhất của cả nước.

Tài chính cung cấp cho trường thi Hương Nam Định cũng không nhỏ. Theo báo cáo của Công sứ Pháp tại Nam Định, liên quan đến các khoản chi cần thiết cho việc sửa trường thi, chi phí nhân sự, chi phí lễ lạt cho trường thi Hương Nam Định năm 1895 là 2.755 đồng bạc Đông Dương và khoản tiền này được chuyển cho Công sứ Nam Định là người có trách nhiệm quản lý, chi tiêu (18).

Cuối thế kỷ XIX, sau khi trường thi Hà Nội chuyển về thi chung với trường thi Nam Định, cả Bắc Kỳ chỉ còn duy nhất trường thi Hương Nam Định. Do đó, số sĩ tử về Nam Định tăng lên đáng kể; đồng thời số tiền dành cho việc tổ chức trường thi cũng tăng lên gấp nhiều lần.

Kỳ thi Hương năm 1886, trường thi Hương Nam Định tiêu hết 15.756 quan

trong đó 9.000 quan chi dùng cho tiền lương bổng của quan trường, mũ áo cho Cử nhân và chén đĩa yến tiệc; 6.756 quan dùng vào việc sửa trường thi. Đến kỳ thi năm 1888, mức chi đã lên tới 11.616 quan và 6 lượng bạc, trong đó 4.143 quan dùng để sửa trường thi và 7.479 quan để dùng chi các khoản đã nói ở trên (19).

Có thể nói, việc xây dựng trường thi bằng tre lá, và chỉ dùng một thời gian ngắn rồi bỏ bẵng trong khoảng 3 năm khiến cho chi phí sửa chữa các trường thi Hương nói chung và trường thi Nam Định rất tốn kém. Chính vì vậy, để chuẩn bị cho khoa thi Hương năm 1903, chính quyền tỉnh Nam Định dự trù một khoản chi là 6.756 quan để sửa trường thi như khoa thi năm 1886.

Để hình dung được những chi phí cụ thể dành cho trường thi Hương Nam Định, chúng ta có thể tham khảo *Báo cáo chi tiêu tài chính* của chính quyền Pháp về việc phục vụ cho khoa thi năm 1894 trong (20) bảng 2.

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, việc số lượng thí sinh tham dự kỳ thi Hương ở Nam Định ngày càng tăng đã khiến cho ngân sách tổ chức kỳ thi Hương cũng tăng theo. Đây chính là lý do khiến Tổng trú sứ Pháp tại Trung và Bắc kỳ đã gửi tới Toàn quyền Đông Dương một công văn kiến nghị. Theo đó, nếu số tiền nhà nước đã cấp cho trường thi Hương Nam Định vẫn không đủ cho việc chi trả cho các khoản tổ chức trường thi thì “có thể đánh thuế vào các tỉnh ở Bắc Kỳ căn cứ theo tỷ lệ số thí sinh dự thi của mỗi tỉnh và... yêu cầu 4 tỉnh có đông thí sinh dự thi nhất đóng góp thêm mỗi tỉnh 200 quan tiền và hai tỉnh có ít thí sinh hơn đóng góp mỗi tỉnh 100 quan tiền” (21) để bổ sung kinh phí cho trường thi.

Bảng 2: Báo cáo chi tiêu tài chính trường thi Hương Nam Định (1894)

Tổng chi phí cho xây dựng nhà cho các giám khảo và những người khác, chòi, trạm gác, tường phân, ghế chéo...		1000. ⁰⁰
<i>Phụ cấp cho các giám khảo</i>		414.85
Chánh khảo	12. ⁹⁶	
Phó khảo	11.10	
Hai Giám khảo	theo mức 9 ²⁵ /người	18.50
Hai Đề tuyển	theo mức 9.25/người	18.50
Ba Phân khảo	theo mức 7.03/người	21.09
Hai Giám sát	theo mức 7.03/người	14.06
Tám Phúc khảo	theo mức 7.03/người	56.24
Mười sáu Sơ khảo	theo mức 4.98/người	79.68
Bốn Mật sát	theo mức 4.98/người	19.92
Tám Thể sát	theo mức 4.98/người	39.84
58 Lại phòng	theo mức 2.12/người	122.96
<i>Tổng số</i>		414.85
60 bộ lễ phục dành cho Cử nhân giá 50 quan tiền (22) /bộ		365.80
Tre làm đuốc (186 cây giá 5 quan tiền)		113.40
Bài thi thứ nhất: 86 cây		
Bài thi thứ hai: 60 cây		
Bài thi thứ ba: 40 cây		
970 bó đuốc nhỏ giá 30 đồng tiền (23) /bó		6.40
Bài thi thứ nhất: 550 bó		
Bài thi thứ hai: 300 bó		
Bài thi thứ ba: 120 bó		
48 trụ đỡ đuốc giá 3 tiền (24)		1.77
688 ... gỗ đốt (25) giá 1 quan tiền		134.34
323 sọt than giá 6 tiền/sọt		23.63
Tre và chiếu, dụng cụ để dán tin, gói, màn, ri đô...		70.68
34 cái màn trong đó 10 cái giá 14 quan tiền/cái, 24 cái giá 4 quan tiền 7 tiền/cái		30.84

10 chiếc gối và 10 tấm ri đô giá 3 quan tiền	7.31	
360 tấm chiếu giá 3 tiền/tấm	13.42	
16 tấm chiếu để trải tràng kỷ giá 1 quan tiền 2 tiền/tấm	2.32	
4 chiếc gối dựa giá 5 quan tiền 5 tiền	2.66	
Mua vải bọc màu trắng và màu đỏ để viền chiếu	14.13	
26 đấu dầu đốt giá 22 quan tiền/đấu		69.75
23 thùng dầu hoả giá 13 quan tiền 4 tiền/thùng		37.58
52 hộp nến giá 1 quan tiền 1 tiền 30 đồng tiền/hộp		7.34
Chi phí cho tiệc đãi các giám khảo và các tân Cử nhân		120.00
Đồ dâng cúng cho lễ nhập trường thi của các giám khảo		24.00
Một con trâu: 120 quan tiền Một con ngựa: 20 quan tiền Một con lợn: 30 quan tiền Gạo: 8 quan tiền Rượu: 8 quan tiền Cau: 4 quan tiền Đồ hàng mã: 10 quan tiền Bánh: 1 quan tiền Tiền mua giấy dó, mực, bút, màu, hồ, Các chi phí lễ nhập trường thi của các giám khảo		73.35
300 quan tiền 2 chum chè giá 17 [*] 36 thúng gạo trắng giá 7 quan tiền 9 tiền 30 đồng tiền		105.38
Các khoản chi phí trong 3 ba ngày làm bài cho tới lúc tuyên bố kết quả		51.17
Đèn lồng cho các quan, đèn lồng thường, đèn dầu và bóng đèn		8.01
Lụa trắng, giấy đỏ và xanh		0.60
20 hộp dầu và mực		1.02
8 cột tiêu với đèn lồng giá 14 quan tiền 4 tiền		14.45
Người đốt đuốc (lương)		1.95
Tiền mua lọ, mâm, đĩa, cốc, đũa,		31.02
Một người thấp đèn		5.00
Tổng cộng		2755[*].89

(Còn nữa)

CHÚ THÍCH

- (1). Cao Xuân Dục, *Quốc triều Hương khoa lục*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh, 1993, tr. 60.
- (2). Bùi Hạnh Cẩn, Nguyễn Loan, Lan Phương, *Những ông Nghè ông Công triều Nguyễn*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1995, tr. 8.
- (3). Bùi Hạnh Cẩn, Nguyễn Loan, Lan Phương, sdd, tr. 8.
- (4). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1993, tập 7, tr. 203.
- (5). Gồm: Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Ba, Ninh Bình, Hà Nội, Sơn Tây, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Hải Dương, Quảng Yên, *Nam Định*, Hưng Yên, Lạng Sơn và Cao Bằng.
- (6). Các năm: 1807, 1809, 1813, 1821, 1825, 1828 và 1831.
- (7). Từ khoa thi năm 1834 đến 1879.
- (8). Các địa điểm dự kiến được đưa ra để xây dựng trường thi là: trường Đua ngựa, địa phận làng Liễu Trai, làng Vạn Phước, hoặc tại Cầu Đơ, Hà Đông. Xem thêm Phong Phủ Thống sứ Bắc Kỳ [Fonds de la Résidence Supérieure au Tonkin - RST], N° 73593.
- (9). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, sdd, tr. 204.
- (10). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, sdd, tr. 204-208.
- (11). Dương Kinh Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử 1858-1918*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002, tr. 45.
- (12). *Đại Nam thực lục* (chính biên), Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1964, tr. 236.
- (13). Cao Xuân Dục, sdd, tr. 231.
- (14). Vi: có nghĩa là vây quanh.
- (15). RST, N° 55357.
- (16). RST, N° 55357.
- (17). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, sdd, tr. 233.
- (18). RST, N° 4144.
- (19). RST, N° 73539.
- (20). RST, N° 73540.
- (21). RST, N° 4148.
- (22). Nguyên văn tiếng Pháp là *ligature*.
- (23). Nguyên văn tiếng Pháp là *sapèque*.
- (24). Những chữ in nghiêng là nguyên văn chữ Việt trong văn bản.
- (25). Phần ... không rõ, còn *gỗ đốt* là nguyên văn chữ Việt trong văn bản.